

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **119/2018/DS-ST**

Ngày: 23/11/2018

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Thanh.

2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST-DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Chí T**, sinh năm 1963 - Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: Số 69 đường Nguyễn H1, phường một, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thụy Băng C**, sinh năm 1988 (có mặt). Theo Giấy ủy quyền ngày 17/7/2018.

Địa chỉ: Số 31/13 Phan Hiến Đ, phường bảy, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc V, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 185 khu phố bốn, phường chín, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Tú H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 7/2A Học L, phường ba, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Chị Thái Thị Xuân M, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 93/5 Nguyễn An N, phường hai, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Bà **Trịnh Thị Đ**, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 200B khu phố năm, phường mười, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Ông **Nguyễn Kim C1**, sinh năm 1961 - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L1 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ một, ấp năm, xã An H, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/7/2018 của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thụy Băng C đều trình bày: Anh Lê Quốc V là người được doanh nghiệp tư nhân Thành P, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P (viết tắt là Công ty) giao mặt hàng nhót bán cho các cây xăng. Sau khi nhận hàng đi bán xong, anh V trực tiếp nhận tiền, nhưng về không giao lại cho công ty. Ngày 20/7/2016, anh V viết “Đơn xác nhận công nợ” là còn nợ Doanh nghiệp tư nhân Thành P số tiền 25.187.000 đồng (gồm công nợ toa cây xăng Phước L và công nợ thu tiền nhót), anh V cam kết trả số tiền trên cho Doanh nghiệp mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 20/7/2016 cho đến khi hết nợ. Sau đó thì anh V trả được 3 lần: Lần 1: Ngày 22/7/2016: trả 1.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 29/8/2016 trả 1.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 27/9/2016 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng.

Kể từ tháng 10/2016 cho đến nay, anh V không trả cho Công ty thêm khoản tiền nào khác. Số tiền hóa đơn 15.487.200 đồng (Công ty tính tròn 15.487.000 đồng) là do anh Huy bán (anh Huy đã mất vì tai nạn giao thông), người mua là cây xăng Phước L. Vào thời điểm đó, công ty có gọi điện thoại đến cây xăng Phước L để đòi tiền thì phía cây xăng cho rằng không có ký nhận hàng, chữ ký trong hóa đơn không phải của chủ cây xăng và có nhân viên của Công ty cầm hóa đơn đến thu tiền và cây xăng đã giao 5.000.000 đồng cho người cầm hóa đơn đó, nhưng không biết tên, sự việc này thì Công ty nghe chị M (kế toán) nói lại. Công ty không có chứng cứ nào chứng minh anh V nhận 5.000.000 đồng từ cây xăng. Tuy nhiên, chỉ có anh V mới có hóa đơn bản gốc để đi thu nợ. Theo như lời nói của nhân viên cây xăng thì người nhận số tiền 5.000.000 đồng là anh V. Nên ông Võ Chí T yêu cầu anh V đến chốt công nợ, ghi luôn phần nợ của cây xăng Phước L vào để anh V có trách nhiệm đi đòi. Đơn xác nhận công nợ là do anh V tự viết, viết trước mặt bà Trần Tú H (vợ của ông Võ Chí T), không có mặt ông Võ Chí T, khi anh V viết đơn xác nhận công nợ Công ty không có báo cho cây xăng biết, không có mặt của ông Nguyễn Kim C1 - chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P yêu cầu anh Lê Quốc V trả cho công ty số tiền còn nợ là 22.187.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Theo văn bản ghi ý kiến ngày 06/8/2018 và lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án bị đơn anh Lê Quốc V đều trình bày: Ngày 20/7/2016 anh có viết “Đơn xác nhận công nợ” là còn nợ Doanh nghiệp tư nhân Thành P số tiền 25.187.000 đồng đây là số tiền của 2 hóa đơn: Hóa đơn tiền thiết bị điện, nhớt là 9.700.000 đồng. Anh chỉ đồng ý trả 9.700.000 đồng này, nhưng sau khi viết xác nhận công nợ anh đã trả được 3 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng. Lần 1: Ngày 22/7/2016: trả 1.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 29/8/2016 trả 1.000.000 đồng. Lần 3: Ngày 27/9/2016 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng, đưa cho kế toán tên là Trịnh Thị Đ. Ba lần anh đưa tiền đều có mặt vợ ông Chí T là bà Trần Tú H, nên anh chỉ còn nợ 6.700.000 đồng, anh đồng ý trả số tiền này, nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với hóa đơn của cây xăng Phước L ở xã An H là 15.487.000 đồng thì không liên quan đến anh, người bán hàng là anh H1 (đã chết), vì cây xăng không chịu thanh toán tiền cho Công ty Thành P nên không thu hồi được. Khoảng năm 2016, thì Công ty có ủy quyền cho anh đi khởi kiện cây xăng này, anh có nhờ tư pháp xã An H hòa giải nhưng không được, sau đó được hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cái B nhưng Công ty không hỗ trợ chi phí để anh đi khởi kiện nên anh không có khởi kiện cây xăng Phước L. Anh ký đơn xác nhận công nợ vì nếu anh đòi được tiền của hóa đơn này Công ty sẽ trả cho anh huê hồng (2.000 đồng/lít nhớt) anh sẽ được 800.000 đồng và anh lấy bản chính hóa đơn để đi đòi tiền, nhưng đòi không được, nên anh không đồng ý trả. Khi anh viết đơn xác nhận công nợ thì không có mặt và cũng không được sự đồng ý của đại diện cây xăng Phước L, không có mặt ông Võ Chí T, chỉ có mặt bà Tú H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Tú H trình bày: Bà là vợ của ông Võ Chí T (chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành P, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P) là người trực tiếp nhận 3.000.000 đồng từ anh V trả nợ cho công ty. Lần 1: Ngày 22/7/2016: trả 1.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 29/8/2016 trả 1.000.000 đồng. Lần 3: Ngày 27/9/2016 trả 1.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ anh V. Anh V đã nhận hóa đơn số 140422099 ngày 22/4/2014 để đi thu tiền cây xăng, phía cây xăng cho rằng đã trả 5.000.000 đồng, nhưng anh V không báo và cũng không nộp tiền cho công ty. Công ty không có lên cây xăng Phước Lợi để đối chiếu, chỉ trao đổi qua điện thoại là biết có trả cho nhân viên bán hàng 5.000.000 đồng, nhưng không nói tên là ai, theo bà chỉ có người có hóa đơn bán hàng mới thu được tiền, nên bà xác định là anh V nhận tiền, nên anh V mới viết đơn xác nhận công nợ và hứa sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số nợ, nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh. Bà có biết việc ông T ủy quyền cho anh V để kiện cây xăng Phước L ở Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Cái B để đòi số tiền 15.487.000 đồng, nhưng cây xăng không ai đến nên có hướng dẫn khởi kiện ở Tòa án nhân dân huyện Cái B. Thời điểm ủy quyền bà không rõ, nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đơn xác nhận công nợ ngày 20/7/2016 do anh V viết trước mặt của bà tại trụ sở Công ty, không có mặt của ông Võ Chí T, không có mặt của đại diện cây xăng

Phước L, Công ty không có thông báo cho cây xăng biết và cũng không có ý kiến của ông C1 - chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L.

2- Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Thái Thị Xuân M trình bày: Chị là kế toán của Công ty Hữu Thành P. Anh V nhận hóa đơn của cây xăng Phước L để đi đòi tiền mà anh V không đòi được cũng không trả hóa đơn nên công ty không thể đòi tiền được. Chị có gọi điện thoại lên cây xăng có nói chuyện với bà chủ của cây xăng nhưng không biết tên để đối chiếu công nợ của hóa đơn số tiền 15.487.000 đồng. Thực tế là công ty chỉ xuất hàng cho nhân viên đi giao hàng thôi, nên việc mua bán công ty của chị không biết mặt chủ doanh nghiệp, cây xăng báo có trả 5.000.000 đồng cho người của công ty cầm hóa đơn đến đòi nhưng không biết tên người này, Công ty không có chứng cứ gì chứng minh anh V nhận 5.000.000 đồng đó, nhưng chỉ có anh V là người giữ hóa đơn để thu nợ, nên việc cây xăng cho rằng trả cho người giữ hóa đơn thì chị nghĩ chỉ có thể là anh V. Chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm.

3- Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị Đ trình bày: Bà là thủ quỹ của Công ty từ năm 2009 cho đến nay. Vào các ngày 22/7/2016, 29/8/2016, 27/9/2016 bà có nhận tiền từ bà H, mỗi lần 1.000.000 đồng là tiền anh V trả nợ, ngoài ra từ đó cho đến nay bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào khác từ anh V.

4- Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2018 ông Nguyễn Kim C1 - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L trình bày: Giữa Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P có giao dịch mua bán nhót hay không ông không nhớ, tuy nhiên cây xăng của ông chỉ giao dịch trực tiếp với nhân viên bán hàng, còn nợ hay không ông cũng không nhớ do lâu quá. Nếu công ty muốn đòi tiền cây xăng thì ông yêu cầu phải có hóa đơn, biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của ông thì ông sẽ trả, nếu không có thì ông không biết, ông không biết hóa đơn số 140422099 ngày 22/4/2014. Đơn xác nhận công nợ anh V viết ngày 20/7/2016, Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L không được thông báo, không biết, không có văn bản đồng ý gì hết về việc chuyển giao công nợ đó. Đối với yêu cầu của nguyên đơn kiện anh V thì ông không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện nguyên đơn trình bày căn cứ theo đơn xác nhận công nợ do anh V viết còn nợ nguyên đơn 25.187.000 đồng, anh V đã trả 3.000.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu anh V trả 22.187.000 đồng gồm 2 hóa đơn. Đối với hóa đơn tiền điện, nhót 9.700.000 đồng, anh V đã trả 3.000.000 đồng còn nợ lại 6.700.000 đồng. Tại phiên tòa anh V đồng ý trả số tiền này, nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đại diện nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh V trả 6.700.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 15.487.000 đồng của hóa đơn số 140422099 ngày 22/4/2014, anh V không đồng ý trả, yêu cầu này của nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Kim C1 - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L, bà Trịnh Thị Đ có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C1, bà Đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Anh Lê Quốc V trước đây là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thành P, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P. Nhiệm vụ của anh V là nhận các mặt hàng nhớt, thiết bị điện của công ty để đi giao cho các cửa hàng, sau đó thu tiền về giao lại cho công ty. Ngày 20/7/2016, anh V viết “Đơn xác nhận công nợ” là còn nợ công ty số tiền 25.187.000 đồng, bao gồm 2 hóa đơn: Hóa đơn cây xăng Phước L - An H còn nợ là 15.487.200 đồng (tính tròn là 15.487.000 đồng); Hóa đơn tiền thiết bị điện, nhớt là 9.700.000 đồng. Đồng thời, anh V cam kết trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20/7/2016 cho đến khi hết nợ. Sau đó thì anh V trả được 3 lần: Lần 1: Ngày 22/7/2016: trả 1.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 29/8/2016 trả 1.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 27/9/2016 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng 3.000.000 đồng.

Kể từ tháng 10/2016 cho đến nay, anh V không trả cho công ty thêm khoản tiền nào khác. Anh V chỉ đồng ý trả số tiền 9.700.000 đồng trừ đi 3.000.000 đồng đã trả, còn lại 6.700.000 đồng của hóa đơn thiết bị điện, nhớt nhưng anh V xin trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền 15.487.000 đồng, nếu đi đòi được anh sẽ được hưởng huê hồng, nhưng thực tế anh không đòi được số tiền nào nên anh không đồng ý trả.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P là chị Nguyễn Thụy Băng C; Anh Lê Quốc V; Bà Trần Tú H đều thừa nhận: Đơn xác nhận công nợ ngày 20/7/2016 do anh Lê Quốc V tự viết, viết trước mặt bà Trần Tú H, viết tại trụ sở công ty, không có mặt ông Võ Chí T, không có mặt và không có sự đồng ý của đại diện Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L. Mặt khác, tại bản ghi lời khai ngày 09/11/2018 ông Nguyễn Kim C1 - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L trình bày ông không biết việc chuyển giao nợ giữa Công ty và anh V, ông không được thông báo và không có mặt khi anh V viết đơn xác nhận công nợ. Như vậy, thực tế anh V viết Đơn xác nhận công nợ ngày 20/7/2016 để nhận nợ của 2 hóa đơn: 01 Hóa đơn là nhận nợ từ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L với số tiền 15.487.000 đồng, 01 hóa đơn là nhận nợ tiền thiết bị điện, nhớt với số tiền là 9.700.000 đồng.

- Đối với số tiền 9.700.000 đồng tiền thiết bị điện, nhót. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất: Sau khi viết đơn xác nhận công nợ bị đơn có trả được cho nguyên đơn 3.000.000 đồng, nên thống nhất số tiền toa thiết bị điện và nhót còn nợ là 6.700.000 đồng. Anh V thừa nhận còn nợ 6.700.000 đồng này, anh đồng ý trả, nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nguyên đơn không đồng ý. Xét việc xin trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng của anh V là ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty. Do đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P yêu cầu anh V trả số tiền 6.700.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với hóa đơn bán hàng số 140422-099 ngày 22/4/2014 với số tiền 15.487.000 đồng, ông Nguyễn Kim C1 - chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L cho rằng không biết hóa đơn này. Việc giữa Công ty Hữu Thành P và anh Lê Quốc V viết công nợ, chuyển giao số tiền nợ 15.487.000 đồng của hóa đơn số 140422-099 ngày 22/4/2014 cho anh Lê Quốc V phía Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L không biết sự việc trên, không được thông báo và cũng không có văn bản đồng ý gì hết. Như vậy, việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự nêu trên cũng không có mặt và không được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P là ông Võ Chí T và ông Nguyễn Kim C1 - chủ doanh nghiệp cây xăng Phước L, chỉ có mặt anh V và bà Trần Tú H. Bà H không phải người đại diện theo pháp luật của công ty, cũng không có văn bản nào thể hiện bà được nhận ủy quyền từ ông Võ Chí T. Do đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P yêu cầu anh V phải trả số tiền 15.487.000 đồng là không có căn cứ, không phù hợp quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về lãi suất chậm trả do các bên đương sự không thỏa thuận được, cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P yêu cầu anh Lê Quốc V trả số tiền 22.187.000 đồng được Tòa án chấp nhận 01 phần số tiền 6.700.000 đồng, không chấp nhận số tiền 15.487.000 đồng, nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 774.350 đồng (15.487.000 đồng x 5%). Anh Lê Quốc V phải trả cho Công ty số tiền 6.700.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 335.000 đồng (6.700.000 đồng x 5%).

[6] Ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, Điều 370, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự ; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P.

- Buộc anh Lê Quốc V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P yêu cầu anh Lê Quốc V trả số tiền 15.487.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P phải chịu 774.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P đã nộp là 554.675 đồng theo biên lai thu số 0012902 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, nên Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P phải nộp tiếp 219.675 đồng (Hai trăm mười chín ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Anh Lê Quốc V phải chịu 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Hữu Thành P, anh Lê Quốc V, bà Trần Tú H, chị Thái Thị Xuân M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Kim C1 - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phước L, bà Trịnh Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS thành phố MT;
- Đường sự:
 - + Công ty TNHH TM XNK Hữu Thành P;
 - + Anh Lê Quốc V;
 - + Bà Trịnh Thị Đ;
 - + Bà Trần Tú H;
 - + Chị Thái Thị Xuân M;
 - + Ông Nguyễn Kim C1;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Sang